

## **Thương mại và nhà nước: những hậu quả chính trị xã hội của sự liên kết thị trường ở đông nam- châu Á**

HANS-DIETER EVERS \*

### I. THỊ TRƯỜNG VÀ CHÍNH TRỊ

#### 1. Những thị trường chung

Suốt hai thập kỷ qua các nước dọc bờ phía Tây và phía Nam Thái bình dương đã trở nên có quan hệ mật thiết hơn thông qua các mối liên hệ thương mại và những nỗ lực ngoại giao. Nhật Bản đã trở thành bạn hàng thương mại chủ yếu của hầu hết các dân tộc Đông nam và Đông châu Á, Đài Loan (ROC) giờ đây là nước đầu tư nước ngoài lớn nhất ở Indonesia, người Malaysia và Indonesia là những khách du lịch đông đảo nhất ở Singapore - đó chỉ là một ít ví dụ về sự liên kết kinh tế đang gia tăng của những nước này. Tuy nhiên, để nói về một "thế kỷ Thái bình dương" có thể là hơi sớm. ý tưởng về một sự chuyển hướng trong nền văn minh thế giới từ Dải trung hải suốt thời Trung cổ sang Đại tây dương vào thế kỷ 19 đến thế kỷ 20 và cuối cùng chuyển sang Thái bình dương ở thế kỷ 21 có từ cách nhìn lịch sử thế giới lấy châu âu hay châu Mỹ là trung tâm. Tuy nhiên, cái người ta có thể thấy rõ ràng là sự mở rộng các quan hệ thương mại và việc hình thành những khu vực thị trường liên kết ở chính châu Á và ở châu âu.

Năm 1992 mười hai nước châu âu đã công nghiệp hóa và liên kết chặt chẽ về mặt kinh tế sẽ thiết lập nên một thị trường chung. Bản báo cáo Cecchini, một nghiên cứu về những lợi ích kinh tế mà người ta chờ đợi ở thị trường chung đó dự đoán một sự gia tăng từ 170 đến 250 tỷ ECU trong tổng sản phẩm quốc dân (GNP) chỉ nhờ ở sự tháo bỏ các trở ngại thương mại không thôi, nghĩa là một sự gia tăng thu nhập bình quân đầu người khoảng hơn 600 ECU. Thêm vào đó sẽ có các nền kinh tế có quy mô cho các xí nghiệp và lợi nhuận từ sự tăng cường cạnh tranh (Cecchini 1988, FAZ 14.1.89 : 13). Thị trường mới này sẽ đi xa ra ngoài khuôn khổ của những cố gắng trước đây hay những cố gắng tương tự khác về quy mô và mức độ giống như thị trường Mỹ-canada mới thành lập hay ASEAN.

Sự liên kết các thị trường thông qua thương mại luôn luôn có những hậu quả chính trị và xã hội quan trọng. Sự mở rộng nền kinh tế thị trường và Hệ thống thế giới hiện đại kèm theo nó đã được Immanuel Wallerstein và những người khác phân tích một cách sâu sắc (Wallerstein 1974, Smith/Evers/Wallerstein 1984), nhưng sự liên kết các thị trường khu vực mà có thể bao gồm các loại khu vực thế giới kiểu Wallerstein hoàn toàn khác (ngoại vi, nửa ngoại vi và trung tâm) cho thấy những đặc điểm mới của sự phát triển thế giới.

Khi thị trường chung châu âu được thực hiện *mà không có* sự tạo nên một đơn vị chính trị mới, ví dụ như một nước Mỹ của châu âu, thì THỊ TRƯỜNG trở nên tách rời khỏi Quốc GIA, rất giống với THỊ TRƯỜNG một lúc nào đó đã trở nên tách rời khỏi Xã Hội, như Khu Polanyi (1945) đã phân tích. Điều này lại đặt ra một trong những vấn đề lớn của các khoa học xã hội, cụ thể là sự lệ thuộc lẫn nhau giữa hệ thống kinh tế và hệ thống chính trị. Cái gì là thiếu kiện tiên quyết và chính trị cho sự liên kết thị trường và cái gì là những hậu quả xã hội, văn hoá và chính trị của sự mở rộng thương mại và thị trường tự do"

Vấn đề này đã được thảo luận trong nhiều khung cảnh khác nhau. Chẳng hạn sự khác nhau giữa xã hội tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa thường được người ta nói đến trong thuật ngữ của kinh tế học hơn là chính trị học khi các nền kinh tế thị trường đối diện với các nền kinh tế có kế hoạch tập trung. Theo ngôn ngữ của

---

\* Giáo sư. Giám đốc Trung tâm nghiên cứu Xét hội học về sự phát triển. Trường Đại học Tổng hợp Bielefeld, Cộng hòa Liên bang Đức.

Charles Lindblom thì "sự khác biệt lớn nhất giữa một chính phủ với một chính phủ khác nằm ở mức độ mà theo đó thị trường thay thế chính phủ hay chính phủ thay thế thị trường. . Một đảng là tổ chức xã hội thông qua quyền lực của chính phủ. Một đảng là tổ chức xã hội thông qua trao đổi và thị trường" (Lindblom 1977: IX, 4), nhưng ông ta vội vã thêm rằng "cơ chế chính trị - kinh tế nền tảng còn chưa được hiểu rõ". Nếu giáo sư Charles Lindblom, người chỉ nghiên cứu các nước phát triển đã được nghiên cứu kỹ lưỡng, thấy khó có thể giải quyết được vấn đề này thì mọi cố gắng nhằm giải quyết một khu vực đa dạng như Đông Nam châu Á sẽ khó hơn biết chừng nào và khó tránh khỏi thất bại. Nếu chúng tôi dù vậy vẫn lao vào cuộc phiêu lưu mạo hiểm này thì chẳng qua là vì đề tài này tỏ ra đáng có một sự thất bại có thể có. Hơn nữa chúng tôi định giảm bớt sự mạo hiểm của mình bằng việc đột phá vấn đề từ hai phía: từ cấp độ vĩ mô của nền tiểu thương và từ cấp độ vĩ mô của các thị trường quốc tế. Điều này phần nào phản ánh mối quan tâm hiện nay trong những nhà xã hội học mà, theo gương Juergen Habermas, tập trung tư duy của mình vào mối liên hệ giữa Lebenswelt và System, "thế giới sống và hệ thống" (Habermas 1981).

Vậy thì cái gì là vấn đề để thảo luận ở đây?

## 2. Thương mại tự do và dân chủ tự do.

Chúng ta hãy xem xét vấn đề lý luận này tỷ mỉ hơn. Các nhà khoa học xã hội có vẻ tin chắc rằng chỉ có các nền kinh tế thị trường mới có khả năng ủng hộ các hệ thống chính trị dân chủ. Họ có thể dẫn ra sự kiện là "nền dân chủ tự do chỉ xuất hiện trong các dân tộc có định hướng thị trường, không phải trong tất cả các dân tộc đó nhưng chỉ trong số đó" (Lindblom 1977: 5). Sự phát triển thị trường là điều kiện tiên quyết cho sự xuất hiện nền dân chủ. Theo quan điểm này sự phát triển thương mại và sự liên kết các thị trường tạo nên áp lực nhằm thiết lập một hệ thống chính trị đa nguyên. Có một số lý lẽ được quy nạp một cách logic để hỗ trợ cho điều khẳng định này. Những thị trường đang phát triển giả định trước nền thương mại đang phát triển và điều này đem lại cùng với nó một luồng thông tin, một luồng các ý tưởng và quan điểm ngày càng gia tăng. Những lợi ích khác nhau cần phải được dung hòa và phối hợp. Việc trao đổi tự do hàng hóa cần phải tương ứng với một luồng tự do các lợi ích và như vậy cái tương đương "tự nhiên" đối với thị trường là nghị viện. Một kết luận logic có thể là sự phát triển của thương mại là cần thiết hay ít nhất là hữu ích nhằm tăng cường các thiết chế chính trị dân chủ.

Người ta tin tưởng chắc chắn vào luận đề này và nó là cơ sở cho nhiều biện pháp viện trợ nước ngoài cũng như những chính sách cơ bản của Quỹ tiền tệ Thế giới (WMF) và Ngân hàng Thế giới (World Bank) k Nhiều khoản viện trợ trở thành cuộc hôn nhân hạnh phúc giữa các lợi ích chính trị và kinh tế: việc mở cửa thị trường là rất tốt cho nền dân chủ và cho các ngành công nghiệp xuất khẩu.

Nói một cách đơn giản thì luận cứ này là như sau :

1. Một nền kinh tế có định hướng thị trường là điều kiện tiên quyết cho dân chủ và một hệ thống chính trị đa dạng.

2. Sự phát triển thương mại và sự liên kết thị trường thúc đẩy luồng thông tin và các ý tưởng, tạo ra một áp lực cho sự tự do hóa chính trị và do đó nâng cao các cơ hội cho nền dân chủ.

Tuy nhiên luận đề phổ biến này trái ngược với một quan điểm khác. Thương mại tiềm tàng mối nguy hiểm và sức phá hoại đối với bất kỳ một xã hội nào nếu nó không được một quyền uy chính trị mạnh kiểm soát. Có rất nhiều thí dụ minh chứng cho quan điểm này. Sự đoàn kết và an ninh xã hội của các xã hội nông dân bị phá vỡ nghiêm trọng do việc đưa vào nền kinh tế nông nghiệp hàng hóa (Polanyi) và có thể dẫn đến nạn đói và sự phá hủy xã hội. Việc nhập khẩu hàng hóa không hạn chế tiêu hủy nghề thủ công địa phương và các ngành công nghiệp quy mô nhỏ và việc công nghiệp hóa có định hướng xuất khẩu có thể tạo ra ô nhiễm công nghiệp và sự phá hoại môi trường.

Như vậy phân luận cứ này có thể trình bày như sau:

1 Chức năng của nhà nước là để ổn định xã hội chống lại sự mất cân bằng nguy hiểm, ví dụ như sự cạnh tranh dữ dội, bằng việc điều chỉnh sự trao đổi trong các thành viên của cộng đồng bằng các phương tiện (tái) phân phối (chuyển giao) hay những sự trừng phạt. Nhà nước cần phải đủ mạnh để duy trì sự kiểm soát có hiệu quả các hành vi hàng ngày. Chỉ khi nào một nhà nước dân tộc mạnh được liên kết bởi một chế độ quan liêu hợp

lý với tư cách là một hình thức quản lý hàng ngày do một chính phủ hợp pháp kiểm soát trở thành hiện thực thì nội thương mới có thể thoát khỏi được (phần lớn) sự điều tiết.

2. Một nhà nước mạnh là điều kiện tiên quyết cho sự phát triển một nền kinh tế thị trường tự do. Do đó, sự phát triển của thương mại và sự liên kết các thị trường kích thích các hình thức độc đoán của chính phủ và sự phát triển một chế độ quan liêu to lớn.

Chẳng có ai lại ngây thơ đến mức cho rằng những giả thuyết được tạo ra từ ba hay bốn biến số có vẻ không tinh vi này lại làm chúng ta có khả năng hiểu được hoặc thậm chí dự đoán được sự phát triển ở Đông - Nam châu Á. Thậm chí nếu chúng ta quy giản sự phân tích của mình về việc vạch ra đơn thuần những số liệu và ý tưởng cơ bản thì vấn đề này vẫn còn khá phức tạp. Thế nhưng vẫn cần thử thách một số trong những giả định của sự phân tích kinh tế thông thường để dọn đường cho một sự hiểu biết sâu sắc hơn những con đường rối rắm của sự phát triển ở Đông - Nam châu Á.

Thương mại thường được xem như là để phản ánh tác động lẫn nhau tự do của các lợi ích cạnh tranh nhau. Mặt khác, nhà nước được xem như một bộ máy quan liêu sử dụng quyền lực của mình để điều chỉnh đời sống xã hội vì lợi ích của luật pháp và trật tự. Nhưng mặc dù thị trường có thể đem lại khả năng tiếp cận tự do hàng hóa và dịch vụ, không có một xã hội nào mà trong đó trên thực tế thị trường chỉ phản ánh hoạt động tự do của cung và cầu. Đặc biệt những tầng lớp nghèo của một xã hội không có cơ hội biểu hiện nhu cầu của mình dưới dạng nhu cầu về tiền tệ trong thị trường, đơn thuần vì họ thiếu thu nhập bằng tiền để làm như vậy. Sự phản đối về chính ta thường là cách can thiệp duy nhất của học vào nền kinh tế thị trường để biểu thị đòi hỏi nhằm thỏa mãn những nhu cầu cơ bản của họ. Nhà nước cũng hạn chế, theo nhiều cách, hoạt động tự do của các lực lượng thị trường, nhưng nó cũng có thể bảo đảm một giang sơn không bị kiểm chế cho thương mại. Trong mọi trường hợp, giả định rằng thị trường bị thống trị bởi các cơ cấu quyền lực kinh tế và không kinh tế là tỏ ra hiện thực hơn (Evers và Schiel 1987: 463). Thương mại và nhà nước, thay vì ngăn cản nhau - như lý thuyết kinh tế cổ điển và triết học xã hội quan niệm - trên thực tế hỗ trợ cho nhau về nhiều phương diện. Thêm vào đó, không thể đơn thuần đồng nhất thương mại với tư bản chủ nghĩa và không thể đồng nhất nhà nước với nhà nước-dân tộc quan liêu hiện đại.

Vì thương mại tự do và thị trường, ít nhất là theo các lý thuyết tóm tắt ở trên, có liên quan đến các hệ thống chính trị nhất định nên chúng tôi có ý định xem xét kỹ càng hơn đến nền thương mại ở Đông - Nam châu Á từ góc độ xã hội học. Tuy nhiên bạn đọc nên biết rằng đây không phải là một phân tích kinh tế. Mặc dù đôi khi có dẫn ra những thuật ngữ dùng trong kinh tế học, các thuật ngữ này dẫn theo xã hội học diễn giải (interpretative sociology) theo một truyền thống của Weber.

### 3. Đông Nam châu Á, một trường hợp đặc biệt?

Luận cứ nói trên có liên quan chặt chẽ với triết học phương Tây từ Aristotle đến Hobbes và Hegel và đã được thảo luận dưới ánh sáng của những bằng chứng thực nghiệm lấy từ các xã hội công nghiệp hoá châu Âu. Ngày nay chúng đã trở nên vững chắc như là những giả định không cần bàn cãi trong các hệ tư tưởng của kinh tế học cổ điển mới và chủ nghĩa cộng sản một oách tương ứng. Như vậy, vấn đề cần nêu lên là liệu những luận đề có liên quan đến sự liên kết giữa thương mại, nhà nước và xã hội này có thể được chuyển sang khung cảnh xã hội có cưỡng chế và khung cảnh văn hóa của Đông - Nam châu Á hay không.

Đĩ nhiên, các xã hội và nhà nước ở Đông - Nam châu Á làm đau đầu các học giả không chỉ vì tính đa dạng của chúng mà còn vì họ lảng tránh bất cứ nỗ lực phân loại rõ ràng nào. Mặc dù tất cả nhà nước châu Á, cổ lễ chỉ trừ Singapore, thuộc về nhóm các nước đang phát triển, về nhiều phương diện chúng không phải là kém phát triển", chắc chắn là không phải tiền tư bản. Về mặt chính trị, các nhà nước với một hiến pháp dân chủ không thực sự dân chủ mà các nhà nước do các tướng lĩnh lãnh đạo cũng không phải là thực sự độc tài quân sự. Tính phức tạp của Đông - Nam châu Á đã buộc các học giả phát sáng tạo: Ngay từ thời thuộc địa Furnivall đã đưa ra quan niệm về "xã hội đa nguyên", học giả và nhà quản lý thuộc địa người Hà Lan là Boeke đã khai sinh ra trường phái mới về "kinh tế học song tuyến (đuổi economics)" và gần đây hơn các thuật ngữ "chính thể quan liêu (bureaucratic polity)" (Riggs), "chủ nghĩa tư bản Ersatz (thay thế)" (Yoshthara Kunio 1988) đã được sử dụng để phân tích các nền kinh tế Đông - nam châu Á. Một số xã hội Đông - nam châu Á đã được mô tả như là

"hậu thuộc địa" (Schiel) hay "quá độ" (Rinz Hassan 1 978) và giới thượng lưu của chúng được mô tả như là "các nhóm chiến lược lai ghép" (Evers và Schiel 1988).

Cái chung của tất cả các quan niệm gần đây hơn là khẳng định rằng sự phát triển ở Đông - Nam châu Á không hoàn toàn y hệt như sự phát triển trước đây ở châu Âu, Mỹ hay Nhật Bản hay như sự phát triển hiện đại trong các phần khác của Thế giới thứ ba. Cả kinh tế học cổ điển có định hướng phương Tây hay lý thuyết về hệ thống thế giới đều không thể áp dụng hoàn toàn được. Đông - Nam châu Á phải được đo bằng hệ thống thuật ngữ đặc thù cho vùng này. Nhà kinh tế học Nhật bản Yoshihara do đó đã dùng một từ tiếng Đức "Ersatz" (thay thế) để diễn đạt luận đề của mình quan tâm và có tính thách thức. Điều *ersatz* về chủ nghĩa tư bản ở Đông - Nam châu Á là gì, theo ý ông, được lấy từ "sự kiện là sự phát triển của Đông - Nam châu Á chủ yếu đóng khung trong khu vực ba", nghĩa là trong thương mại, buôn bán, dịch vụ, đầu cơ. Theo ý ông, các nhà tư bản thậm chí cũng không phải là đích thực vì phần lớn trong số họ có nguồn gốc từ Trung quốc. Dưới ánh sáng của giả thuyết đã nói ở trên sự kiện được quan sát tinh tường này đặt ra một vấn đề tức thời. Sự phát triển nhanh chóng của khu vực ba dĩ nhiên có thể được xem như là một sự thúc đẩy đến hệ thống chính trị dân chủ và một nền kinh tế thị trường. Nhưng Yoshihara có một lập trường khác và lập luận rằng sự phát triển của khu vực thương mại chẳng những không sinh ra một nền kinh tế có định hướng thị trường đúng đắn mà cũng không tạo ra các chính phủ thực sự dân chủ. Sự phát triển thương mại, hay nói cách khác là sự đầu tư quá đáng vào khu vực ba đã, theo như sự phân tích của ông, cản trở cả sự phát triển của một nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa đã hình thành đầy đủ, cả sự phát triển của các thiết chế dân chủ.

Sự quan sát của Yoshihara dựa chắc chắn trên các sự kiện mặc dù các kết luận của ông khó có thể chấp nhận. Tại sao một sự phát triển đặc biệt, ví dụ như Nhật Bản hay Nam Triều Tiên, lại là đích thực tư bản chủ nghĩa trong khi kiểu phát triển khác lại chỉ là "Ersatz"?

## II. THƯƠNG MẠI Ở ĐÔNG - NAM CHÂU Á

### 1. Ngoại thương.

Dĩ nhiên không còn nghi ngờ gì nữa rằng một thời gian dài và cho đến tận ngày nay thương mại vẫn là lực lượng dẫn dắt các sự phát triển ở Đông - Nam châu Á. Sự phát triển của các đế chế Đông - Nam châu Á cổ điển như Srivijaya, Ayuthia hay Melaka có được sự tồn tại của mình nhờ ở các mối liên hệ của chúng với mạng thương mại có cự ly dài sang Trung Đông, Ấn Độ và Trung Quốc, còn các quốc gia Đông - Nam châu Á hiện đại phụ thuộc vào sự phát triển của nền nội thương và thương mại quốc tế của mình cũng nhiều như phụ thuộc vào những người tiền bối cổ điển của mình. Do đó, ta hãy thử xem xét sự phát triển của thương mại trong các nước ASEAN chọn lọc.

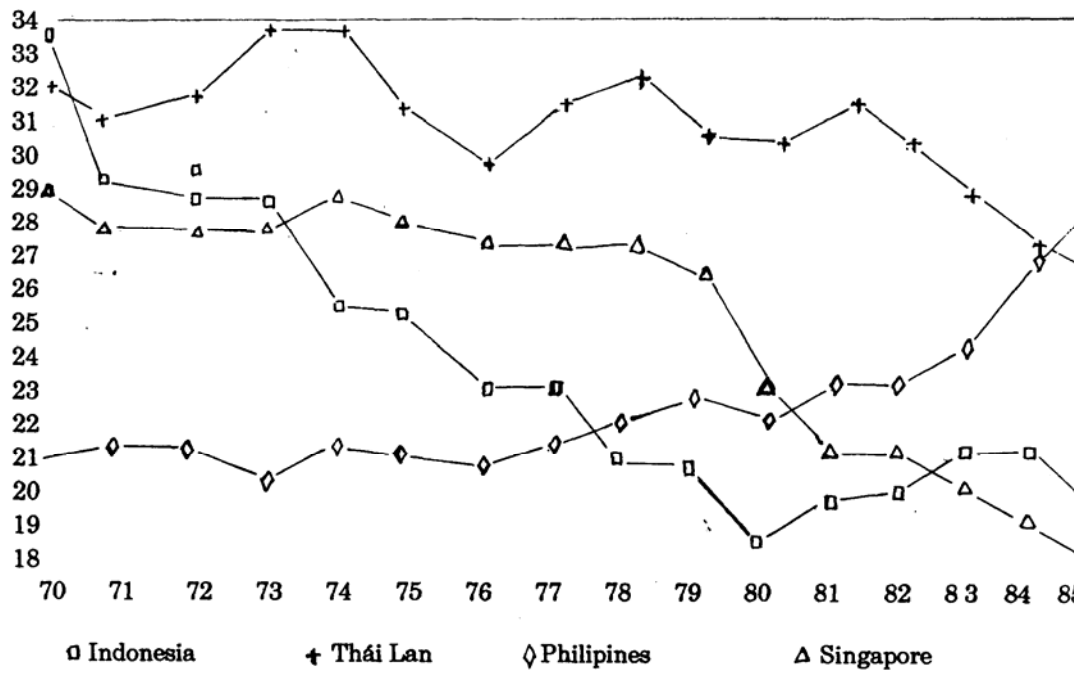
Ngoại thương chiếm khoảng 40% tổng sản phẩm trong nước (GDP) của Indonesia, Thái Lan và Philipin và gần như bằng hoặc vượt qua tổng số GDP ở Brunei, Malaysia và Singapore. Cho đến khoảng mười năm về trước (1980) gần như 80% ngân sách của nước Cộng hòa Indonesia lấy từ các nguồn thu nhập có liên quan đến ngoại thương (con số này ngày nay vào khoảng 65%).

### 2. Nội thương

Chúng tôi sẽ sử dụng khoa chú giải văn bản khách quan (objective hermeneutics) của sự phân tích các số liệu thống kê. Điều này có nghĩa là chúng tôi dùng một phương pháp không phải là không giống với phương pháp do những người bán cổ phiếu sử dụng khi phân tích các biểu đồ của giá cả an toàn. Sự lên xuống của thị trường chứng khoán hay của các chứng khoán cá thể được phân tích bởi việc dựa trên kinh nghiệm quá khứ hơn là dựa trên các lý thuyết kinh tế. Trong trường hợp của chúng tôi cơ sở dữ liệu nhỏ hơn rất nhiều và ít bằng chứng thực nghiệm. Mặc dầu vậy, có thể rút ra một số kết luận thú vị từ các bảng biểu của chúng tôi về sự tăng trưởng và suy giảm của thương mại ở Đông - Nam châu Á <sup>1</sup>.

### % Thương mại so với Tổng sản phẩm phi nông nghiệp trong nước, 1970 - 1985

<sup>1</sup> Gần với ý định của chúng tôi hơn thực sự là phương pháp lịch sử của Fernand Braudel, mà cũng ảnh hưởng đến lý thuyết về hệ thống thế giới hiện đại của Wallerstein. Tuy nhiên, sự phân tích các khuynh hướng rất dài cũng phải mất rất nhiều thời gian và nhiều trang sách!.



Đề cho đơn giản chúng tôi sử dụng hai chỉ báo cơ bản: đóng góp của thương mại vào Tổng sản phẩm trong nước (GDP) (hay phần không-nông nghiệp của GDP) và phần trăm của lực lượng lao động (hay tổng dân số ngẫu nhiên) tham gia vào thương mại. Vì các số liệu thích hợp nói chung không đáng tin cậy, sai sót nhiều và được định nghĩa không rõ ràng mặc dù hy vọng rằng chúng không hoàn toàn là sự tương tự của các công chức dân sự, chúng tôi cảm thấy cơ sở để đối xử tự do với chúng. Trong mọi trường hợp chúng tôi xem chúng như những chỉ báo thô về các quá trình kinh tế-xã hội rất phức tạp.

Bảng 1: Các chỉ báo của nội thương và ngoại thương. ASEAN 6. 1988

Nước	Ngoại thương % của GDPo	Nội thương % của GDP	Lao động trong thương mại. % của lực lượng lao động
Brunei	100,00		
Indonesia	14,0	21	15,0
Mialaysia	90,6	20	17,61
Phihppines	39,5	21	13,0
Singapore	277,0	18	23,5
Thái lan	44,1	22	9,8

Nguồn: ILO, FEER, Thống kê quốc gia.

Coi giới hạn của sai số là cộng-trừ một hoặc hai phần trăm chúng ta có thể ghi nhận được những quan sát sau đây về thương mại ở các nước ASEAN (xem biểu đồ) :

1. Liên kết thị trường diễn ra như là một khuynh hướng có thực từ một thế kỷ nay. Quá trình này ngày nay đã vươn tới các xã huyện, làng hay đảo xa nhất trong quần đảo ngoại trừ phần lớn của gian Jaya. Tuy ta thấy đồ gốm Trung Quốc nhiều thế kỷ trước ở xa tận những nhánh thượng nguồn của các con sông của Borueo và những nơi khác, điều này nên xem như bằng chứng của nền thương mại có cự ly xa chứ không phải sự liên kết của các thị trường địa phương (Braudel, Hodges 1988).

2. Hiện nay, nghĩa là đầu những năm 1980, nội thương đóng góp khoảng 20% vào GDP của nền kinh tế các

nước ASEAN. Nhưng con số này chỉ có ý nghĩa là một sự hội tụ tạm thời của các khuynh hướng lâu dài.

3. Sự phát triển nội thương từ đầu những năm 1970 trở đi cho thấy các khuôn mẫu rất khác nhau trong các nước trọng yếu của ASEAN. Nói rất chung, chúng ta có thể lý giải các số liệu chính thức như sau :

- Thái Lan cho thấy mức thương mại cao một cách thường xuyên (20-23% của GDP).
- Thương mại của Indonesia đem lại một đóng góp khiêm tốn khoảng 15-17% của GDP với xu hướng giảm đi.
- Mức lúc đầu rất cao của Singapore và Malaysia (28%) đã giảm đi nhanh chóng và đang tiếp tục giảm ( 18% năm 1985 đối với Singapore).
- ở Phiuppin đóng góp của thương mại vào GDP đã gia tăng từ khoảng 14 - 15% đến 21% năm 1985.

4. Trái với những khuynh hướng khác nhau của đóng góp do thương mại vào GDP ở các nước ASEAN, nhân công trong thương mại chuyên là gia tăng cho hơn. Khoảng cách đang gia tăng (giữa đóng góp của thương mại vào GDP và nhân công thương mại -N. D; ) cho thấy năng suất đang giảm và việc giảm thu nhập, đặc biệt đối với những người buôn bán nhỏ.

Kết luận đầu tiên chúng ta có thể rút ra từ sự phân tích này là: các nước ASEAN khác nhau rất nhiều cả trong bối cảnh hiện nay lẫn trong sự phát triển lâu dài của thương mại. Khó có thể thấy rõ bất cứ một khuynh hướng chung nào. Hậu quả là thương mại và buôn bán có những ảnh hưởng rất khác nhau đến sự phát triển chính trị tại các nước riêng lẻ của ASEAN. Giờ ta hãy xem xét một số hậu quả của sự phát triển thương mại đối với chính trị.

### 3. Thương mại và xung đột.

Ở Thái Lan, nơi nội thương duy trì một mức cao và ổn định, các lãnh tụ chính trị hiện đang thúc đẩy một thị trường liên kết, vượt ra ngoài biên giới Thái Lan. Tham vọng của Thủ tướng Chatichai "Biển Đông Dương từ chiến trường thành thị trường thương mại" hiện đang được xem như hòn đá tảng của chính sách mới của Thái Lan. Các nước láng giềng như Miến Điện, Campuchia và Lào, khi mở cửa cho đầu tư và thương mại nước ngoài có thể cung cấp một thị trường rộng lớn cho các hàng hóa sản xuất của Thái Lan (FEER 23-2-89 : 11 - 12). Thủ tướng Thái Lan rõ ràng hội nhập với những người tin ở sức mạnh đem lại hòa bình của thị trường. Tuy nhiên không nên bỏ qua điều rằng sự bành trướng của ngoại thương là nguyên nhân thường xuyên của chiến tranh và xung đột ở Đông-nam châu Á và các nơi khác. Mặc dù những người đề xướng ra sự tự do hóa thương mại và việc tạo ra một "nền kinh tế thị trường tự do" đã nhấn mạnh đến những tác động xét về tổng thể là có lợi (như trong trường hợp cộng đồng chung châu Âu đã nói ở trên cũng như đối với châu Á ) của một "bàn tay vô hình", những tác động phá hoại về xã hội và môi trường của sự bành trướng thị trường không bị hạn chế giờ đây đã rất rõ ràng. Ít nhất những nông dân nghèo và những cư dân trong các khu đô thị ở chuột biết đến hiểm họa có tính chất phá hoại đối với cuộc sống của họ và thường phản ứng bằng bạo lực để chống lại chúng. Các thị trường là các hệ thống phân phối và các thị trường tư bản chủ nghĩa đã dẫn đến sự phân hóa giai cấp và sự tích lũy tư bản.

Đông - Nam châu Á diễn ra nhiều trường hợp xung đột vì sự bành trướng của thị trường. C) đây chỉ nói đến một số nhằm minh họa cho vấn đề.

Ở Campuchia, Khmer đỏ lúc lên nắm quyền đã thử xóa bỏ thị trường và tiền tệ và di chuyển phần lớn dân cư đô thị về nông thôn. Chính sách "chống thị trường" này với những xung đột tiếp sau đó cần được phân tích dưới góc độ này.

Ở Indonesia, lao động trong thương mại đã tăng từ 10% của lực lượng lao động năm 1971 lên 13% năm 1980 và 15% năm 1985, trong khi ở cùng thời kỳ đó đóng góp của thương mại đã giảm từ 17% xuống 15% của GDP. Tiền lương giảm chân tại chỗ hoặc giảm ở nhiều vùng của Indônêxia từ giữa những năm 1980 với xu hướng đi xuống rõ rệt năm 1987 (BIES 24, 2, 1988: 28). Điều này tác động một cách đặc biệt đến những người buôn bán nhỏ ở nông thôn và đô thị, những người buộc phải rời bỏ lao động nông nghiệp vì thiếu đất hay vì giá cả thấp. Thịnh thoảng có những vụ bạo loạn, như vụ ở Talangsari đầu tháng 2 năm 1989 mà tung đó các Đơn vị quân đội Indonesia đã đụng độ với dân làng và những phần tử cực đoan trẻ theo đạo Hồi, có thể là những chỉ

báo về phản ứng chính thống đối với sự biến đổi về kinh tế. Sự sinh sôi của Các môn phái đạo Phật ở Thái Lan và các môn phái đạo Thiên chúa ở Singapore cũng cho thấy xu hướng như vậy. Cả tính quan liêu đang gia tăng lẫn các bộ phận dân cư (xem Evers 1988) đều củng cố lại sự bành trướng của các lực lượng thị trường.

#### 4. Thương mại và hệ thống chính trị: Một số số liệu thực nghiệm.

Có nhiều chỉ báo thích hợp để đo lường tầm quan trọng và sự tăng trưởng của thương mại nhưng với sự phát triển của dân chủ khó thiết lập các chỉ báo hơn nhiều. Không có thống kê nào sẵn và chúng ta sẽ phải dựa trên một số chỉ báo và sự xét đoán của các chuyên gia. ở đây dân chủ sẽ được xem như một hệ thống phức tạp với sự tồn tại và gia tăng của các thiết chế chính trị được thừa nhận và các ý tưởng như là biến số chủ yếu.

Bảng 2. Khuynh miêng của nội thương và nền chính trị dân chủ

	Khoảng 1960-70		Khoảng 1971 - 80		Khoảng 1981-90	
	Nội thương	Chính trị	Nội thương	Chính trị	Nội thương	Chính trị
Thái Lan	+	+	+	+	+	+
Malaysia		-	-	-	-	
Indonesia	-	+	-	-	+	+
Philippines	-	-	+	-	+	+
Singapore	+	+	-	-	-	+

Dĩ nhiên "bảng này" có nhiều cái để phê phán. Sự suy giảm và tăng trưởng của thương mại và liên kết thị trường, một mặt, và mặt kia là nền chính trị dân chủ, khó có thể được biểu thị đúng chỉ đơn thuần bởi các dấu cộng và trừ cũng như những nhất cắt của các thập kỷ khó có thể được biện hộ về mặt lịch sử chính trị. Lời xin lỗi duy nhất tôi có thể đưa ra ở đây là tính chất thô sơ của luận đề thường được nhắc đi nhắc lại rằng việc tự do hóa thị trường dẫn đến hệ thống chính trị đa dạng. Bảng này cho thấy 12 trong số 15 trường hợp khá dĩ, sự tăng hoặc giảm của chỉ báo thương mại tương ứng (có mỗi tương liên thuận) với xu hướng tiến tới nền dân chủ theo ùng một hướng. Chúng ta chẳng được gì nhiều với phát hiện này có lẽ ngoại trừ một câu hỏi cần nghiên cứu thêm và một chỉ dẫn thêm về tầm quan trọng của liên kết thị trường đối với chính trị.

#### 5. Những nhận xét kết luận.

Thương mại tiềm tàng tính chất nguy hiểm và phá hoại. Xã hội cần được bảo vệ bởi sự điều tiết của nhà nước. Cần phải đạt được sự cân bằng giữa các lực lượng thị trường và quyền lực nhà nước. Nếu thị trường và thương mại bành trướng nhanh chóng và sự kiểm soát về chính trị không theo kịp thì sự nguy hiểm sẽ xuất hiện ngay - nhưng điều ngược lại cũng đúng. Sự điều tiết quả đáng thị trường của các chính phủ chuyên chế có thể gây thiệt hại hoặc thậm chí phá hủy một nền kinh tế và sự phồn vinh của nhân dân.

Tôi không muốn hành động như một nhà tiên tri về tai họa. Tính sáng tạo xã hội và năng suất văn hóa - xã hội của loài người đã khá thường xuyên chứng minh quyền lực và tài khéo léo của mình. Nhưng bối cảnh mới đang phát triển dĩ nhiên có thể cần đến nhiều tài khéo léo và lối tư duy không tưởng. Tôi nói đến sự bành trướng toàn thế giới của thương mại và thị trường mà không có một sự phát triển cũng nhanh chóng như vậy của các thiết chế chính trị thích hợp. THI TRƯỜNG và NHÀ NƯỚC đang tách rời nhau và các cuộc đàm phán quốc tế sôi động (Hiệp định chung về biểu thuế và thương mại (GATT), các nỗ lực giữ gìn hòa bình của Liên hợp quốc ) hay những cơ quan của Liên hợp quốc cho đến nay không thể lấp được khoảng trống. Trong quá khứ, sự bành trướng nhanh chóng của thương mại thế giới đã dẫn đến việc thiết lập các đế chế thuộc địa - nghĩa là một ý định điều chỉnh các thị trường thế giới và thương mại bằng vũ lực Sau sự tan vỡ của các đế chế thuộc địa dưới sức ép đòi dân chủ hóa được kích thích mạnh mẽ bởi chính sự bành trướng của thương mại và thị trường đó, một cơ cấu quyền lực chính trị mới xuất hiện. Các cơ cấu quyền lực thế giới đang trở nên đa dạng hơn. Không phải hai, mà là một số lĩnh vực ảnh hưởng và thống trị về kinh tế và chính trị đang xuất hiện: Liên Xô và Mỹ, Cộng đồng châu âu như là một đơn vị kinh tế hùng mạnh nhất về mặt kinh tế - mặc dù không phải là về mặt quân sự - và cuối cùng nhưng không phải là kém quan trọng nhất, các nước ở Đông-nam châu Á và trên bờ phía đông á của Thái bình dương với một tiềm năng phát triển kinh tế hùng mạnh. Các thị trường khu vực đã được liên kết mà không có sự thống nhất về chính trị có lẽ là những đơn vị của một hệ thống thế giới hiện đại trong tương lai. Với sự mở rộng nền kinh tế thị trường ở Trung Quốc và Liên Xô, có vẻ như là một "thị trường chung Âu-Á" mới sẽ phát triển từ biển Bắc cho đến Thái bình dương hơn là một cộng đồng kinh tế ở hai phía của Thái bình dương.

Nguru dịch : VŨ MẠNH LỢI